

Số: 01 /CTr-UBND

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 8 năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2017 đến năm 2020

1. Mục tiêu

Trên cơ sở kết quả phân tích chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề ra mục tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ số	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số
I	Nhóm chỉ số tập trung duy trì thứ hạng										
1	Cạnh tranh bình đẳng	2	6,64	2	> 7,1	2	> 7,2	2	> 7,3	2	> 7,4
2	Thiết chế pháp lý	4	6,84	4	> 7,1	3	> 7,3	3	> 7,4	2	> 7,5
3	Chi phí không chính thức	5	6,41	5	> 6,5	4	> 6,6	4	> 6,7	3	> 6,8
4	Tiếp cận đất đai	8	6,34	7	> 7,1	6	> 7,3	5	> 7,5	3	> 7,7
5	Chi phí thời gian	13	7,06	10	> 7,3	9	> 7,5	8	> 7,7	5	> 7,9
6	Tính năng động	13	5,43	12	> 5,5	11	> 5,6	10	> 5,8	8	> 6,0
II	Nhóm chỉ số tập chung cải thiện điểm số và thứ hạng										
1	Tính minh bạch	62	5,56	40	> 6,1	35	> 6,2	30	> 6,3	20	> 6,4
2	Đào tạo lao động	59	4,84	40	> 5,7	35	> 5,9	30	> 6,1	20	> 6,3
3	Hỗ trợ doanh nghiệp	47	5,08	40	> 5,4	35	> 5,6	30	> 5,7	20	> 5,9
4	Gia nhập thị trường	45	8,29	40	> 8,4	35	> 8,5	30	> 8,6	20	> 8,8
III	PCI	41	57,66	<30	>58,6	<26	>59,6	<22	>60,2	<20	>60,4

Mục tiêu cụ thể cho từng chỉ tiêu của các chỉ số thành phần trong năm 2017 đến năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
1	Chỉ số gia nhập thị trường								
1.1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày	Thấp	7	7	≤	≤	≤	≤	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.2	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày	Thấp	5	7	≤	≤	≤	≤	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.3	Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (số ngày)	Thấp	30	20	<19	<18	<16	<15	Sở Tài nguyên và Môi trường
1.4	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Thấp	13,24%	13,04%	<13,00%	<12,5%	<12,0%	<11,00%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.5	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Thấp	2,08%	2,17%	<2,05%	<2,00%	<1,5%	<1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.6	% DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận Một cửa	Cao	100%	97,96%	100%	100%	100%	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.7	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	Cao	59,82%	47,69%	>90%	100%	100%	100%	Sở Tư pháp
1.8	Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	Cao	72,31%	72,31%	>85%	>90%	>95%	100%	Sở Tư pháp
1.9	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	Cao	40,91%	41,54%	>70%	>80%	>90%	100%	Sở Nội vụ
1.10	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	Cao	42,70%	44,62%	>85%	>90%	>95%	100%	Sở Nội vụ
1.11	Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý)	Cao	29,33%	24,62%	≥70%	>80%	>90%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
1.12	Không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào (% đồng ý).	Thấp	5,00%	7,69%	<5%	<3%	<2%	<1%	Sở Tư pháp
2	Chỉ số tiếp cận đất đai								
2.1	% DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có	Cao	61,90%	76,12%	>77%	>78%	>79%	>80%	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	<i>thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất</i>								
2.2	% diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (BTNMT) (%)	Cao	92,43	96,08	>97%	>98%	>99%	>99,5%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	Cao	1,73	1,70	>1,8	>2	>2,5	>3	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.4	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Cao	25,45%	31,25%	>50%	>70%	>80%	>90%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.5	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Cao	73,74%	74,36%	>75%	>80%	>85%	>90%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.6	DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	Cao	29,70%	34,38%	>50%	>60%	>70%	>85%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.7	% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục	Cao	33,33%	28,00%	>50%	>60%	>70%	>85%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.8	% DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu	Thấp	25,00%	22,73%	<20%	<10%	<5%	<2%	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Chỉ số tính minh bạch								
3.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	Thấp	2,39	2,39	<2,20	<2,10	<2,00	<1,50	Văn phòng UBND tỉnh (cổng TTĐT)
3.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	Thấp	3,10	3,17	<3,00	<2,50	<2,00	<1,50	Văn phòng UBND tỉnh (cổng TTĐT)
3.3	Cán có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	Thấp	66,33%	60,26%	<50%	<40%	<30%	<10%	Văn phòng UBND tỉnh (cổng TTĐT)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
3.4	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Thấp	49,04%	51,35%	<40%	<30%	<20%	<10%	Cục thuế tỉnh
3.5	Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tỉnh đối với quy định pháp luật của Trung ương (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Cao	6,67%	5,26%	>5,50%	>6%	>6,50%	>7%	Sở Tư pháp
3.6	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	Cao	40,28%	29,03%	>30%	>35%	>40%	>45%	Hội doanh nhân trẻ tỉnh
3.7	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	Cao	31,00	31,00	>33	>35	>38	>40	Văn phòng UBND tỉnh
3.8	% DN truy cập vào website của UBND tỉnh	Cao	76,84%	66,67%	>70%	>75%	>80%	>85%	Văn phòng UBND tỉnh
3.9	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	Cao	82,93%	78,95%	>80%	>85%	>90%	>95%	Sở Tài chính
3.10	Các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt (% Đồng ý)	Cao	69,57%	50,00%	>60%	>65%	>70%	>75%	Sở Tài chính
4	Chỉ số chi phí thời gian								
4.1	% DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	Thấp	24,71%	37,84%	<33%	<30%	<27%	<25%	Sở Tư pháp
4.2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra (tất cả các cơ quan)	Thấp	1	2	<1	<1	<1	<1	Thanh tra nhà nước tỉnh
4.3	Số giờ làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	Thấp	2	6	<5	<4	<3	<2	Cục thuế tỉnh
4.4	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Cao	40,91%	66,67%	>68%	>70%	>75%	>80%	Sở Nội vụ
4.5	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc	Cao	47,47%	74,07%	>78%	>80%	>85%	>90%	Sở Nội vụ

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	<i>đồng ý)</i>								
4.6	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Cao	46,39%	71,60%	>73%	>75%	>77%	>80%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4.7	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Cao	31,53%	58,75%	>62%	>65%	>70%	>75%	Sở Tư pháp
4.8	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Cao	78,72%	90,12%	>92%	>94%	>96%	>98%	Sở Tài chính
4.9	Không thấy bất kì sự thay đổi đáng kể nào (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Thấp	4,93%	5,19%	<4,7%	<4,3%	<4%	<3%	Sở Tư pháp
5	Chỉ số chi phí không chính thức								
5.1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Thấp	60,04%	48,75%	<40%	<30%	<20%	<10%	Thanh tra nhà nước tỉnh
5.2	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Thấp	9,09%	4,29%	<4%	<3%	<2%	<1%	Thanh tra nhà nước tỉnh
5.3	Hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Thấp	58,54%	46,15%	<40%	<30%	<20%	<10%	Thanh tra nhà nước tỉnh
5.4	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Cao	55,68%	50,82%	>55%	>60%	>65%	>70%	Thanh tra nhà nước tỉnh
5.5	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Cao	79,17%	81,33%	>85%	>88%	>93%	>95%	Sở Tài chính
6	Chỉ số tính năng động								
6.1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Cao	70,54%	79,10%	>82%	>85%	>87%	>89%	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
6.2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Cao	56,67%	54,10%	>58%	>62%	>66%	>70%	Văn phòng UBND tỉnh
6.3	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	Cao	44,33%	53,95%	>55%	>60%	>65%	>70%	Văn phòng UBND tỉnh
6.4	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Thấp	78,57%	70,15%	<68%	<65%	<62%	<60%	Văn phòng UBND tỉnh
6.5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Thấp	59,46%	56,25%	<53%	<51%	<48%	<47%	Văn phòng UBND tỉnh
6.6	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)	Thấp	33,80%	39,13%	<35%	<30%	<25%	<20%	Văn phòng UBND tỉnh
7	Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp								
7.1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay (Bộ Công Thương)	Cao	12	16	>16	>16	>16	>16	Sở Công thương
7.2	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	Cao	1,02%	1,99%	>2%	>2,1%	>2,2%	>2,3%	Sở Công thương
7.3	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	Cao	67,47%	29,41%	>67,5%	>67,6%	>67,7%	>67,8%	Sở Công thương
7.4	DN đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	Cao	31,88%	30,30%	>32%	>35%	>40	>45%	Sở Công thương
7.5	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm	Cao	40,00%	30,00%	>35%	>40%	>45%	>50%	Sở Công thương

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị c tri thực h và chịu tr nhiệm ch
	thông tin thị trường (%)								
7.6	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	Cao	76,67%	75,00%	>78%	>82%	>85%	>90%	Sở Công thương
7.7	DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	Cao	38,36%	37,60%	>39%	>41%	>45%	>50%	Sở Tư pháp
7.8	DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật (%)	Cao	26,09%	33,33%	>35%	>40%	>45%	>50%	Sở Tư pháp
7.9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	Cao	62,75%	62,50%	>65%	>70%	>75%	>80%	Sở Tư pháp
7.10	DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	Cao	30,14%	31,15%	>33%	>35%	>40%	>45%	Sở Công thương
7.11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	Cao	48,28%	31,58%	>40%	>45%	>50%	>55%	Sở Công thương
7.12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	Cao	68,42%	57,89%	>62%	>68%	>73%	>80%	Sở Công thương
7.13	DN đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	Cao	22,97%	30,16%	>32%	>35%	>38%	>40%	Sở Công thương
7.14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	Cao	18,18%	21,05%	>23%	>27%	>30%	>35%	Sở Công thương
7.15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	Cao	52,63%	47,37%	>50%	>55%	>60%	>65%	Sở Công thương
7.16	DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	Cao	31,58%	37,50%	>39%	>42%	>45%	>47%	Sở Khoa học và Công nghệ
7.17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	Cao	47,83%	58,33%	>60%	>65%	>68%	>70%	Sở Khoa học và Công nghệ
7.18	DN có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	Cao	47,06%	45,83%	>48%	>52%	>58%	>62%	Sở Khoa học và Công nghệ
7.19	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	Cao	35,14%	38,71%	>40%	>43%	>48%	>50%	Sở Tài chính
7.20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho	Cao	35,56%	29,17%	>33%	>38%	>43%	>50%	Sở Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)								
7.21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	Cao	58,33%	45,83%	>51%	>60%	>68%	>78%	Sở Tài chính
7.22	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	Cao	26,53%	34,92%	>36%	>40%	>43%	>48%	Sở Tài chính
7.23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	Cao	30,00%	36,36%	>40%	>45%	>52%	>60%	Sở Tài chính
7.24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	Cao	52,94%	36,36%	>40%	>48%	>56%	>65%	Sở Tài chính
8	Chỉ số đào tạo lao động								
8.1	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% <i>Tốt hoặc Rất tốt</i>)	Cao	47,79%	55,84%	>57%	>59%	>62%	>65%	Sở Giáo dục và đào tạo
8.2	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% <i>Tốt hoặc Rất tốt</i>)	Cao	33,03%	41,56%	>43%	>46%	>50%	>53%	Sở Lao động - TB&XH
8.3	DN đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	Cao	32,10%	30,16%	>33%	>37%	>41%	>45%	Sở Lao động - TB&XH
8.4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	Cao	38,10%	31,58%	>40%	>48%	>56%	>65%	Sở Lao động - TB&XH
8.5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	Cao	58,33%	42,11%	>50%	>58%	>66%	>75%	Sở Lao động - TB&XH
8.6	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động	Thấp	4,66	4,30	<4	<3,7	<3,5	<3	Sở Lao động - TB&XH
8.7	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động	Thấp	4,10	3,91	<3,5	<3,3	<3	<2,6	Sở Lao động - TB&XH
8.8	Mức độ hài lòng với lao động (% <i>đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN</i>)	Cao	90,43%	86,49%	>90%	>94%	>97%	>99%	Sở Lao động - TB&XH
8.9	Tỉ lệ người lao động tốt nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo (%) (<i>BLĐT BXH</i>)	Cao	4,92%	2,03%	>3%	>5%	>7%	>9%	Sở Lao động - TB&XH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
8.10	Tỉ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động (%) (BLĐT BXH)	Cao	8,47%	3,73%	>5%	>7%	>9%	>11%	Sở Lao động - TB&XH
8.11	% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề (%)	Cao	49,92	43,93	>49	>55	>60	>65	Sở Lao động - TB&XH
9	Chỉ số thiết chế pháp lý								
9.1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Cao	31,68%	32,39%	>35%	>38%	>41%	>43%	Sở Tư pháp
9.2	Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Cao	81,25%	86,08%	>87%	>88%	>89%	>90%	Tòa án tỉnh
9.3	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (Tòa án Tối cao)	Thấp	0,68	8,77	<6,75	<5,89	<3,46	<0,15	Tòa án tỉnh
9.4	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh	Thấp	81,82%	76,53%	<70%	<60%	<50%	<40%	Tòa án tỉnh
9.5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Cao	83,33%	84,06%	>90%	>92%	>94%	>96%	Tòa án tỉnh
9.6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Cao	59,38%	66,67%	>70%	>75%	>80%	>90%	Tòa án tỉnh
9.7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Cao	62,82%	65,22%	>75%	>80%	>85%	>90%	Cục thi hành án dân sự tỉnh
9.8	Các cơ quan trợ giúp	Cao	66,67%	60,00%	>70%	>80%	>90%	>95%	Sở Tư pháp

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)								
9.9	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Cao	72,93%	64,18%	>70%	>75%	>80%	>90%	Sở Tư pháp
9.10	Phán quyết của tòa án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Cao	78,41%	86,36%	>87%	>88%	>89%	>90%	Tòa án tỉnh
9.11	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	Cao	35,79%	40,74%	>43%	>46%	>51%	>55%	Tòa án tỉnh
9.12	Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (Tòa án Tối cao)	Cao	75,00%	91,11%	>93%	>95%	>97%	>99%	Tòa án tỉnh
10	Chỉ số cạnh tranh bình đẳng								
10.1	Việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	Thấp	37,89%	31,43%	<20%	<10%	<5%	<1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.2	Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	Thấp	31,40%	26,03%	<20%	<15%	<10%	<1%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.3	Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	Thấp	26,74%	21,92%	<15%	<10%	<5%	<1%	CN ngân hàng nhà nước tỉnh Bạc Liêu
10.4	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	Thấp	21,05%	10,96%	<8%	<6%	<4%	<1%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.5	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	Thấp	22,09%	21,92%	<15%	<10%	<5%	<1%	Sở Tư pháp
10.6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của	Thấp	25,53%	13,70%	<10%	<7%	<4%	<1%	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung bình cả nước năm 2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	Nhà nước (% đồng ý)								
10.7	Tình ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Thấp	42,35%	37,10%	<30%	<25%	<20%	<10%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.8	Tình ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Thấp	45,26%	37,14%	<30%	<20%	<10%	<5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.9	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	Thấp	32,29%	27,03%	<20%	<15%	<10%	<5%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.10	Miễn giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	Thấp	23,81%	18,92%	<15%	<13%	<11%	<9%	Cục thuế tỉnh
10.11	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	Thấp	20,21%	21,62%	<15%	<10%	<5%	<1%	Sở Tư pháp
10.12	Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh (% đồng ý)	Thấp	24,69%	20,27%	<15%	<10%	<5%	<1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.13	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% đồng ý)	Thấp	72,29%	66,15%	<60%	<40%	<20%	<1%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.14	Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	Thấp	54,55%	37,31%	<30%	<25%	<20%	<10%	Cục thuế tỉnh

2. Nhiệm vụ

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện các chỉ số thành phần bao gồm *Chi phí gia nhập thị trường và Cạnh tranh*

bình đẳng và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần sau:

- *Chi phí gia nhập thị trường (cụ thể các chỉ tiêu: 1.1; 1.4; 1.5; 1.2; 1.6).*
- *Chi phí thời gian (cụ thể các chỉ tiêu: 4.6).*
- *Cạnh tranh bình đẳng (cụ thể các chỉ tiêu: 10.1; 10.7; 10.8; 10.12).*

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số PCI; tổng hợp báo cáo hàng quý của các sở, ngành địa phương liên quan đến PCI để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời và đôn đốc các Sở, Ngành nghiêm túc thực hiện.

Chủ trì phối hợp Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) tham mưu triển khai các nội dung hợp tác giữa VCCI và tỉnh Bạc Liêu trong nâng cao chỉ số PCI năm 2017 và những năm tiếp theo.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Tiếp cận đất đai** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần sau:

- *Chi phí gia nhập thị trường (cụ thể các chỉ tiêu: 1.3).*
- *Tiếp cận đất đai (tất cả các chỉ tiêu của chỉ số thành phần này).*
- *Cạnh tranh bình đẳng (cụ thể các chỉ tiêu: 10.2; 10.4; 10.9; 10.13).*

2.3. Sở Tư pháp

Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **tính minh bạch** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần sau:

- *Gia nhập thị trường (cụ thể các chỉ tiêu: 1.7; 1.8; 1.12).*
- *Tính minh bạch (cụ thể các chỉ tiêu: 3.5).*
- *Chi phí thời gian (cụ thể các chỉ tiêu: 4.1; 4.7; 4.9)*
- *Hỗ trợ doanh nghiệp (cụ thể các chỉ tiêu: 7.7; 7.8; 7.9).*
- *Thiết chế pháp lý (cụ thể các chỉ tiêu: 9.1; 9.8; 9.9).*
- *Cạnh tranh bình đẳng (cụ thể các chỉ tiêu: 10.5; 10.11).*

2.4. Sở Công Thương: Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **hỗ trợ doanh nghiệp** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Hỗ trợ doanh nghiệp** (cụ thể các chỉ tiêu: 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6; 7.10; 7.11; 7.12; 7.13; 7.14; 7.15)

2.5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Đào tạo lao động** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các

chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Đào tạo lao động** (cụ thể các chỉ tiêu: 8.2; 8.3; 8.4; 8.5; 8.6; 8.7; 8.8; 8.9; 8.10; 8.11).

2.6. Sở Nội vụ

- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **chi phí không chính thức** và **chi phí thời gian**.

- Tăng cường kiểm tra, hoạt động của bộ phận một cửa; giám sát, kiểm tra, chấn chỉnh công vụ; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm không đúng quy chế “một cửa”, “một cửa liên thông”. Thời gian kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần và đột xuất khi có phản ánh.

- Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần sau:

+ *Gia nhập thị trường* (cụ thể các chỉ tiêu: 1.9; 1.10).

+ *Chi phí thời gian* (cụ thể các chỉ tiêu: 4.4; 4.5).

2.7. Tòa án nhân dân tỉnh: Là cơ quan chủ trì và là đầu mối, theo dõi, chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **thiết chế pháp lý** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Thiết chế pháp lý** (cụ thể các chỉ tiêu: 9.2; 9.3; 9.4; 9.5; 9.6; 9.10; 9.11; 9.12).

2.8. Thanh tra tỉnh: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần sau:

- *Chi phí thời gian* (cụ thể các chỉ tiêu: 4.2).

- *Chi phí không chính thức* (cụ thể các chỉ tiêu: 5.1; 5.2; 5.3; 5.4).

2.9. Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh

- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **tính năng động**. Thường xuyên rà soát và đôn đốc các Sở, Ngành, địa phương cập nhật và nâng cao chất lượng các trang thông tin điện tử của đơn vị mình đảm bảo thông tin công khai minh bạch và dễ hiểu, dễ tra cứu về các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần sau:

+ *Tính minh bạch* (cụ thể các chỉ tiêu: 3.1; 3.2; 3.3; 3.7; 3.8).

+ *Tính năng động* (tất cả các chỉ tiêu của chỉ số thành phần này).

+ *Cạnh tranh bình đẳng* (cụ thể các chỉ tiêu: 10.6).

2.10. Sở Thông tin và Truyền Thông

Tham mưu Ủy ban nhân dân trong triển khai đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế. Ưu tiên hàng đầu nhiệm vụ thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải

cách thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Thực hiện công tác thông tin đối ngoại: Theo dõi dư luận xã hội thông tin định hướng đối ngoại kịp thời phản biện thông tin trái chiều liên quan đến môi trường đầu tư của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo, đài Trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh PCI để cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước hiểu, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Gia nhập thị trường** (cụ thể các chỉ tiêu: 1.11).

2.11. Sở Tài chính

Chủ trì xây dựng phương án tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp; Chủ trì công bố định kỳ các tài liệu về ngân sách tỉnh sau khi đã được phê duyệt; đề xuất các giải pháp cụ thể về kinh phí thực hiện triển khai cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh trong năm 2017 và những năm tiếp theo; thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần sau:

- *Tính minh bạch (cụ thể các chỉ tiêu: 3.9; 3.10).*
- *Chi phí thời gian (cụ thể các chỉ tiêu: 4.8).*
- *Chi phí không chính thức (cụ thể các chỉ tiêu: 5.5).;*
- *Hỗ trợ doanh nghiệp (cụ thể các chỉ tiêu: 7.19; 7.20; 7.21; 7.22; 7.23; 7.24).*

2.12. Cục Thuế tỉnh: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần sau:

- *Tính minh bạch (cụ thể các chỉ tiêu: 3.4).*
- *Chi phí thời gian (cụ thể các chỉ tiêu: 4.3).*
- *Cạnh tranh bình đẳng (cụ thể các chỉ tiêu: 10.10; 10.14).*

2.13. Sở Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Đào tạo lao động** (cụ thể các chỉ tiêu: 8.1).

2.14. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tham mưu các giải pháp tăng cường hiệu quả của cơ quan, đơn vị thực hiện trực tiếp cung cấp dịch vụ liên quan đến công nghệ trên địa bàn tỉnh và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Hỗ trợ doanh nghiệp** (cụ thể các chỉ tiêu: 7.16; 7.17; 7.18).

2.15. Cục thi hành án tỉnh: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Thiết chế pháp lý** (cụ thể chỉ tiêu: 9.7).

2.16. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu: Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình kết nối Ngân hàng, hỗ trợ vay vốn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp định kỳ hàng năm, thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Cạnh tranh bình đẳng** (cụ thể chỉ tiêu: 10.3).

2.17. Sở Giao thông Vận tải: Đảm bảo giao thông các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa và kịp thời khắc phục các điểm mất an toàn giao thông; có giải pháp thiết thực nhằm giảm bớt thời gian đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

2.18. Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan trong đẩy mạnh triển khai các thủ tục liên quan đến cấp phép xây dựng; công khai quy hoạch xây dựng; tiếp tục đơn giản hóa và giảm tối đa thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực xây dựng.

2.19. Sở Ngoại vụ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan đẩy mạnh quan hệ ngoại giao, xúc tiến thương mại với các nước có nền kinh tế, khoa học phát triển mạnh, góp phần tạo thuận lợi cho sản phẩm xuất khẩu, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu đề xuất giải pháp tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, thương nhân và khách du lịch đến tỉnh.

2.20. Ban Quản lý các Khu công nghiệp: Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác mời gọi đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Láng Trâm; đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư để thu hút các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch hành động góp phần cải thiện chỉ số PCI chung của tỉnh.

2.21. Hội Doanh nhân trẻ tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch hành động góp phần cải thiện chỉ số PCI chung của tỉnh.

Đề xuất các giải pháp mới liên quan đến công tác hỗ trợ doanh nghiệp một cách thiết thực hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai hiệu quả mô hình “Cafe doanh nghiệp”; chủ động đưa ra các sáng kiến, mô hình mới đảm bảo nâng cao hiệu quả chỉ số thành phần liên quan đến chỉ số tính minh bạch và Hỗ trợ doanh nghiệp.

Duy trì và tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, đẩy mạnh vai trò phản biện trong tham gia xây dựng các quy định, cơ chế chính sách của tỉnh, tạo cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả, góp phần cải thiện tích cực môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh;

Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã và các hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chấp hành, thực hiện tốt các quy định của pháp luật; tăng cường liên kết, hợp tác ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại nâng cao năng lực sản xuất; nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh, nhất là tận dụng lợi thế từ hội nhập quốc tế; đảm bảo nâng cao hiệu quả chỉ số thành phần liên quan đến chỉ số tính minh bạch và hỗ trợ doanh nghiệp; phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong triển khai các giải pháp hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp và các nội dung liên quan đến PCI.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần *Tính minh bạch (cụ thể chỉ tiêu: 3.6)*.

2.22. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Căn cứ Chương trình hành động này, chủ động xây dựng nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chất lượng điều hành thuộc chức năng, nhiệm vụ; xây dựng các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả hơn nữa các chủ trương, chính sách ở cấp Trung ương và cấp tỉnh; Thực hiện công bố công khai quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành của từng địa phương để người dân, nhà đầu tư và các doanh nghiệp tiếp cận thông tin một cách nhanh nhất; phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong triển khai chương trình khảo sát PCI và hỗ trợ đồng hành cùng doanh nghiệp và các chương trình xúc tiến đầu tư.

3. Giải pháp

3.1. Nhóm giải pháp về chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, bám sát mục tiêu của từng chỉ tiêu của 10 chỉ số thành phần PCI được nêu ở trên phải khẩn trương chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể phù hợp với từng chỉ tiêu được phân công, rõ ràng trách nhiệm của người đứng đầu và giữa các đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố để có cơ sở kiểm tra, đôn đốc kết quả thực hiện của các đơn vị.

- Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ để có giải pháp xử lý kịp thời, phù hợp linh hoạt và kiến nghị tỉnh các giải pháp điều hành hiệu quả.

3.2. Nhóm giải pháp về cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm tối đa thời gian, chi phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp

- Thường xuyên và chủ động rà soát, chỉnh sửa hoặc bổ sung các thủ tục hành chính đảm bảo cập nhật và phù hợp với các quy định mới ban hành, chuẩn hóa và kịp thời công khai trên các phương tiện thông tin, đặc biệt là thủ tục hành

chính có liên quan đến các chỉ số xếp hạng năng lực cạnh tranh để sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết theo yêu cầu đặt ra của Chính Phủ tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

- Cần tiếp tục đổi mới và thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo tư duy mới hướng tới nền hành chính phục vụ; đặc biệt là tại thủ tục hành chính tại tỉnh và các thủ tục hành chính của các địa phương với mục tiêu giảm tối đa thời gian, chi phí cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đến đầu tư, kinh doanh tại tỉnh Bạc Liêu; tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại các bộ phận “một cửa”, “một cửa liên thông” của tỉnh và ở các địa phương để có kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn và đào tạo tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn; thực hiện luân chuyển những cán bộ không đáp ứng điều kiện về trình độ, tác phong làm việc.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo thuận lợi để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước; có giải pháp cụ thể để đổi mới tác phong làm việc của cán bộ công chức và có khen thưởng và chế tài xử lý vi phạm một cách rõ ràng; thực hiện hiệu quả chế độ giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm khắc các hành vi những nhiễu, gây phiền hà và đòi hỏi các chi phí không chính thức đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp để tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thực sự minh bạch và hiệu quả.

3.3. Nhóm giải pháp về nâng cao tính minh bạch

- Định kỳ điều chỉnh, bổ sung và công khai kịp thời các cơ chế, chính sách, các quy hoạch của tỉnh, địa phương và của ngành (*quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch địa điểm xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực...*) nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thông tin và các cơ hội đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, chấn chỉnh phải đảm bảo việc niêm yết công khai các thủ tục hành chính đầy đủ và đúng quy định; ngoài ra, cần có cách làm mới nhằm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tra cứu và thực hiện; đa dạng hình thức công khai thủ tục hành chính như niêm yết trên cổng thông tin điện tử của các đơn vị, in ấn sổ tay thông tin thủ tục hành chính một cách nhỏ gọn, đẹp mắt... để cung cấp cho nhà đầu tư, doanh nghiệp...

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với những lĩnh vực bức thiết liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp. Phát huy tối ưu hiệu quả cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Sở, Ngành, địa phương; thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp đầy đủ các dữ liệu về quy hoạch, về cơ chế chính sách cũng như hướng dẫn đầu tư theo hướng ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu và có chỉ dẫn rõ ràng để thuận tiện tra cứu, chứ không chỉ đơn thuần đưa các quyết định và văn bản pháp luật; xây dựng phương án khảo sát trực tuyến

mức độ hài lòng của công dân, tổ chức đối với việc cung ứng dịch vụ công và hoạt động của cơ quan nhà nước

3.4. Nhóm giải pháp hỗ trợ Doanh nghiệp

- Cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp cần xây dựng chương trình hành động thiết thực, cụ thể: Tiếp tục tổ chức các hoạt động gỡ gỡ, tiếp xúc, tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp ở nhiều cấp độ khác nhau: Cấp tỉnh, địa phương và các sở chuyên ngành để thực sự là đòn bẩy hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp; có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện giải quyết những khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp đã kiến nghị, đem đến tối đa sự hài lòng cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Triển khai xây dựng báo cáo tổng hợp dữ liệu về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư nhân hỗ trợ doanh nghiệp hiện có trên địa bàn tỉnh như: Hỗ trợ thương mại, tìm kiếm thị trường; tìm kiếm đối tác kinh doanh; tư vấn pháp luật; dịch vụ công nghệ... để đánh giá cụ thể về vai trò của các doanh nghiệp tư nhân trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; chỉ ra hạn chế, tồn tại và đề xuất giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân cung cấp các dịch vụ này. Tham mưu, đề xuất giải pháp nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nêu trên một cách miễn phí từ phía các cơ quan quản lý nhà nước.

- Tổ chức triển khai thiết lập đa dạng kênh thông tin để tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp về kết quả thực hiện thủ tục hành chính.

- Nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến mới trong hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phát huy vai trò của Hội Doanh nhân trẻ, hợp tác xã ngoài quốc doanh trong chủ động sáng tạo triển khai các giải pháp hỗ trợ DN: trước mắt xây dựng kế hoạch triển khai “Cafe doanh nhân” năm 2017 và sớm trình Ủy ban nhân dân tỉnh để có chỉ đạo các Sở, Ngành, địa phương phối hợp triển khai hiệu quả mô hình này; chủ trì tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn hỗ trợ các doanh nghiệp; đồng thời, tích cực hiến kế để nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ doanh nghiệp.

- Chủ động học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương dẫn đầu về chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp để đề xuất các sáng kiến mới triển khai kịp thời trong năm 2017 nhằm quyết liệt nâng cao một cách ngoạn mục chỉ số này; ví dụ như mô hình “Bác sỹ doanh nghiệp”; đối thoại trực tuyến với doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử; đài phát thanh truyền hình; cổng Thông tin Hỗ trợ Doanh nghiệp trực tuyến;...

- Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phổ biến các nội dung có liên quan đến Bộ tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh để doanh nghiệp có đủ thông tin khi được tham gia đánh giá.

3.5. Nhóm giải pháp về đào tạo, tập huấn

- Tổ chức các khóa đào tạo tập huấn về PCI đến các sở, ngành, địa phương nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu PCI.

- Chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế, các cơ quan chuyên môn liên quan tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo để nâng cao nhận thức, kiến thức về pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho các nhà quản lý nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Quy chế phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ sở dạy nghề trong việc đào tạo nhân lực và tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực hàng năm và 5 năm theo quy định; thực hiện tốt đề án về đào tạo nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề; phát triển và liên kết mạng lưới dạy nghề, dịch vụ việc làm.

- Tăng cường liên kết hệ thống các Trung tâm giới thiệu việc làm tại các địa phương và các Khu công nghiệp nhằm kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo và tuyển dụng; bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng, dự báo nguồn nhân lực cung cấp ổn định; tạo kênh thông tin nhiều chiều, tổ chức kết nối giữa các trường đào tạo trong cả nước với doanh nghiệp trên địa bàn để thu hút lao động có trình độ cung cấp cho doanh nghiệp.

3.6. Nhóm giải pháp về tuyên truyền

- Tích cực tuyên truyền một cách bài bản; nâng cao hiệu quả, hiệu ứng của các kênh tuyên truyền về PCI để các nhà đầu tư, doanh nghiệp và chính bản thân cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến PCI nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để tăng cường vai trò, trách nhiệm của cán bộ công chức làm trực tiếp cũng như của chính các sở, ngành, địa phương.

- Nghiên cứu, triển khai chương trình truyền thông (*bao gồm: Báo, đài và truyền hình...*) về PCI theo chuyên đề hàng quý để nâng cao hiệu ứng từ công tác truyền thông.

- Hợp tác với các cơ quan báo chí truyền thông của tỉnh và Trung ương; để nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

3.7. Nhóm giải pháp về hợp tác với VCCI

- Triển khai ký kết hợp tác toàn diện với VCCI về các hỗ trợ tham vấn liên quan đến PCI, hỗ trợ doanh nghiệp và kêu gọi xúc tiến đầu tư, ...

- Thường xuyên duy trì liên hệ và tranh thủ ý kiến tham vấn từ các chuyên gia về PCI của VCCI. Cung cấp và cập nhật thông tin kịp thời về PCI, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Bạc Liêu đến VCCI để phối hợp trong công tác đánh giá PCI.

- Tích cực tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn, đào tạo; tọa đàm, hội nghị liên quan đến PCI, hỗ trợ doanh nghiệp do VCCI tổ chức.

3.8. Nhóm giải pháp về nguồn lực tài chính:

- Sở Tài Chính nghiên cứu, đề xuất bố trí nguồn lực tài chính ưu tiên cho công tác triển khai PCI, hỗ trợ doanh nghiệp.

- Sở Khoa học Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Lao động và Thương binh xã hội và các Sở, Ngành liên quan có phương án dành nguồn lực thực hiện các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân thực hiện cung cấp các dịch vụ tư nhân như: Dịch vụ tìm kiếm thị trường; đối tác; khoa học công nghệ; dịch vụ cung cấp đào tạo lao động... để tăng cường hiệu quả công tác hỗ trợ doanh nghiệp một cách ngoạn mục; thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp từ khu vực tư nhân của các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Kêu gọi huy động nguồn lực từ cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh PCI.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, bám sát các chỉ số thành phần PCI liên quan và nhiệm vụ giải pháp đã nêu như trên khẩn trương xây dựng kế hoạch hành động cụ thể phù hợp với từng chỉ tiêu của các chỉ số thành phần được phân công, báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư*) trước ngày 30/5/2017. Các cơ quan được giao chủ trì và chịu trách nhiệm chính về kết quả từng chỉ tiêu của chỉ số thành phần chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện điểm số các chỉ tiêu này như mục tiêu đề ra. Trong kế hoạch của từng đơn vị cần phân công, phân nhiệm rõ ràng trách nhiệm vai trò người đứng đầu và giữa các đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố để có cơ sở kiểm tra, đôn đốc kết quả thực hiện của các đơn vị.

4.2. Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện để có giải pháp xử lý kịp thời, phù hợp linh hoạt và kiến nghị tỉnh các giải pháp điều hành hiệu quả.

Định kỳ hàng quý (*trước ngày 20 của tháng cuối quý*) báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.3. Các Sở, Ban ngành, địa phương định kỳ ít nhất mỗi quý một lần chủ động tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp thuộc chức năng của ngành cấp quản lý để nghe và chủ động tháo gỡ hoặc tổng hợp đề xuất gửi các cơ quan liên quan tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp; gửi báo cáo triển khai về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

4.4. Các Sở Ngành được giao là đầu mối từng chỉ số thành phần phải tổ chức họp định kỳ hàng quý với các Sở, Ngành và địa phương được giao chủ trì của từng chỉ tiêu để rà soát nắm bắt những nội dung công việc đã triển khai; kịp thời dự báo được khả năng thực hiện trong năm 2017 để đề xuất giải pháp, sáng

kiến nhằm nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện các chỉ số PCI trong những năm tiếp theo.

4.5. Giao Sở Nội vụ (*Ban Thi đua khen thưởng tỉnh*) đưa nội dung liên quan đến PCI và vào nội dung tiêu chí xem xét đánh giá thi đua của các đơn vị hàng năm; đồng thời tham mưu, đề xuất các hình thưởng khen thưởng phù hợp.

4.6. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bạc Liêu chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, phổ biến Chương trình hành động này trong các ngành, các cấp. Đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính tạo đồng thuận trong xã hội và thúc đẩy mạnh mẽ công tác cải cách thủ tục hành chính tại các Sở, Ban, ngành, địa phương.

4.7. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội Doanh nhân trẻ tỉnh và các doanh nghiệp trên địa bàn tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, góp phần xây dựng bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh Bạc Liêu thành chính quyền thân thiện và đồng hành cùng doanh nghiệp, cùng đóng góp vào sự phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh.

4.8. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công cho các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chương trình này; đồng thời, phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình hành động này. Kết quả thực hiện Chương trình được đưa vào đánh giá chất lượng hoạt động của từng Sở, Ban, ngành và địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại phiên họp thường kỳ tháng 12 hàng năm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: ~~T~~

- VP Chính phủ;
- Bộ KHĐT; Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ Quốc tỉnh;
- VCCI; VCCI Chi nhánh Cần Thơ
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh; Liên minh HTX;
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án tỉnh
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- TP: TH, KG-VX, KT, NC;
- Lưu VT, Vi, CH (CTr 03). *jh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến
Lê Minh Chiến